

Số: 8828/ SYT-NV

Đồng Nai, ngày 21 tháng 10 năm 2021

V/v thực hiện báo cáo thực trạng
thực hiện Kế hoạch kiểm soát
nhiễm khuẩn giai đoạn 2016 -2020

Kính gửi:

- Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc;
- Giám đốc Bệnh viện da khoa Cao su Đồng Nai;
- Giám đốc các Bệnh viện ngoài công lập;
- Giám đốc các Trung tâm Y tế có giường bệnh.
(Sau đây gọi là các đơn vị)

Sở Y tế nhận được Công văn số 1297/KCB-ĐD&KSNK ngày 19/10/2021 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế về việc báo cáo thực trạng thực hiện Kế hoạch kiểm soát nhiễm khuẩn.

Giám đốc Sở Y tế yêu cầu Giám đốc các đơn vị đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia tăng cường công tác kiểm soát nhiễm khuẩn giai đoạn 2016-2020 và điền đầy đủ thông tin vào mẫu báo cáo (được gửi đính kèm).

Nội dung báo cáo gửi về Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ) qua địa chỉ Email: tonghopnghiepvu5@gmail.com trước ngày 27/10/2021./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

BÁO CÁO

Thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia tăng cường công tác kiểm soát nhiễm khuẩn
(Theo Công văn số /KCB-DD&KSNK ngày tháng năm của Cục Quản lý khám, chữa bệnh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên bệnh viện:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Tuyến bệnh viện:
- BV trực thuộc Bộ Y tế - BV tư nhân
- BV tỉnh, thành phố - BV các bộ, ngành
- BV huyện
4. Tổng số giường kế hoạch/TS giường bệnh thực kê:...../..... giường

II. HỆ THỐNG TỔ CHỨC KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN VÀ HOẠT ĐỘNG

5. Bệnh viện có hệ thống tổ chức Kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK) nào dưới đây:

- Hội đồng KSNK Có Không
- Mạng lưới KSNK Có Không
- Khoa KSNK Có Không
- Bộ phận KSNK Có Không (Nếu có bộ phận KSNK chuyển câu 8)
Hoạt động của hệ thống KSNK đúng chức năng nhiệm vụ qui định tại thông tư 16/2018/TT-BYT
- Hội đồng KSNK Có Không
- Mạng lưới KSNK Có Không
- Khoa KSNK Có Không
- Tổ KSNK Có Không
- Ý kiến khác:.....

6. Khoa KSNK có các bộ phận nào dưới đây

- Hành chính - Giám sát chuyên trách
- Tiệt khuẩn - Vệ sinh nội ngoại cảnh
- Xử lý chất thải - Giặt là
- Quản lý MT&CTYT
- Đào tạo và NCKH
- Khác ghi cụ thể:.....

7. Lãnh đạo Khoa KSNK gồm có:

- Trưởng khoa
- Phó khoa
- Điều dưỡng trưởng khoa

8. Họ và tên Trưởng khoa/Tổ trưởng KSNK:.....ĐT:.....

Trưởng khoa/bộ phận KSNK làm việc 100% thời gian tại khoa/bộ phận: Có Không

Nghề nghiệp	Trình độ	Đào tạo về KSNK		Thời gian, nơi đào tạo trong nước	Thời gian, nơi đào tạo nước ngoài	Chứng chỉ đào tạo
		Có	Không			
Bác sĩ						
Dược sĩ						
Điều dưỡng/Hộ sinh						
CN vi sinh/KTV-XN						
Cử nhân YTCC						
Kỹ sư						
Khác:.....						

9. Tổng số nhân lực khoa (tổ) KSNK:.....người. Trong đó:

- Bác sĩ người
- Điều dưỡng/Hộ sinh người
- Dược sĩ người
- CN vi sinh/KTV xét nghiệm..... người
- Kỹ sư người
- Hộ lý/NV vệ sinh/Công nhân:..... người
- Khác (ghi cụ thể):..... người

10. Trình độ chuyên môn chung của cán bộ nhân viên khoa/bộ phận KSNK:

- Đại học và sau đại học..... người
- Cao đẳng..... người
- Trung học..... người
- Sơ học..... người
- Lao động phổ thông:..... người

11. Tổng số nhân lực bộ phận giám sát chuyên trách (không tính Lãnh đạo khoa):..... người, trong đó:

- Bác sĩ người
- Điều dưỡng/Hộ sinh người
- Dược sĩ người
- Khác (ghi cụ thể):..... người

12. Trình độ chuyên môn chung của bộ phận giám sát chuyên trách:

- Đại học và sau đại học..... người
- Cao đẳng..... người
- Trung học..... người
- Khác (ghi cụ thể):..... người

11. Tổng số nhân lực mạng lưới KSNK:..... người, trong đó:

- Bác sĩ người
- Điều dưỡng/Hộ sinh người
- Dược sĩ người
- Khác (ghi cụ thể):..... người

12. Trình độ chuyên môn chung của mạng lưới KSNK:

- Đại học và sau đại học..... người
- Cao đẳng..... người
- Trung học..... người
- Khác (ghi cụ thể):..... người

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	CÓ (thực hiện đầy đủ)	KHÔNG (chưa thực hiện/chưa đầy đủ)
A. Triển khai kế hoạch hành động quốc gia KSNK, KH năm		
15. BV phổ biến Kế hoạch hành động quốc gia tăng cường công tác KSNK 2016-2020 đến tất cả các khoa/phòng liên quan thực hiện		
16. BV xây dựng Kế hoạch hành động tại đơn vị dựa trên Kế hoạch quốc gia tối thiểu có các nội dung: Mục tiêu, chỉ số đầu ra, giải pháp thực hiện, lộ trình thực hiện, người/đơn vị chịu trách nhiệm chính, kinh phí thực hiện và được GD phê duyệt (gửi kèm theo bản kế hoạch hành động của đơn vị)		
17. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Chương trình kế hoạch hành động về KSNK trong toàn bệnh viện - Hoàn thành 100% - Hoàn thành 90 - <100% - Hoàn thành 80 - <90% - Hoàn thành < 80%		

18. Theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả triển khai các hoạt động KSNK và có bằng chứng về kết quả thực hiện		
19. Đánh giá, phân tích tìm nguyên nhân, giải pháp khắc phục		
20. Xây dựng Kế hoạch công tác KSNK hàng năm, trình GD phê duyệt		
21. Bản Kế hoạch năm tối thiểu có các nội dung: Mục tiêu, chỉ số đầu ra, giải pháp thực hiện, lộ trình thực hiện, người/đơn vị chịu trách nhiệm chính, kinh phí thực hiện và được GD phê duyệt		
B. Bổ sung, cập nhật các Hướng dẫn, quy trình		
22. BV triển khai thực hiện các hướng dẫn KSNK của BHYT ban hành theo Quyết định 3671/QĐ-BYT, Quyết định 3916/QĐ-BYT và các hướng dẫn KSNK khác		
23. Ban hành, thực hiện quy trình phòng ngừa chuẩn (sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, vệ sinh hô hấp và khi ho, sắp xếp NB, tiêm an toàn, VS môi trường, xử lý dụng cụ, xử lý đồ vải, xử lý chất thải)		
24. Ban hành thực hiện quy trình xử lý các các trường hợp rủi ro, phơi nhiễm với các bệnh nguy hiểm		
25. Ban hành, thực hiện quy trình khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ nội soi chẩn đoán và điều trị		
26. Xây dựng công cụ đánh giá việc tuân thủ của NVYT về KSNK huyết, tuân thủ phòng ngừa viêm phổi BV, Tiêm an toàn, KSNK vết mổ, phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết do đặt catheter		
27. Xây dựng chương trình vệ sinh tay tại BV		
28. Phát động chiến dịch vệ sinh tay trong BV hằng năm		
29. BV hạng I trở lên thực hiện giám sát và báo cáo tuân thủ VST, số lượng dung dịch VST hằng quý, các BV khác ít nhất mỗi năm 2 lần		
30. Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của VST làm giảm tỷ lệ NKBV, giảm chi phí điều trị, cứu sống NB từ năm 2018		
C. Công tác giám sát		
31. Xây dựng kế hoạch giám sát nhiễm khuẩn trên phạm vi bệnh viện trong đó đề cập kế hoạch cụ thể giám sát các khoa trọng điểm, nhóm bệnh trọng điểm		
32. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát		
33. Giám sát và có kế hoạch cách ly người nhiễm vi sinh vật kháng thuốc		
34. Thực hiện phòng ngừa phơi nhiễm cho NVYT (viêm gan B, cúm, lao, tai nạn nghề nghiệp...)		
35. Giám sát vi sinh trong môi trường (nước, không khí, bề mặt), tại khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao (buồng phẫu thuật, hồi sức, buồng thận nhân tạo, buồng pha chế thuốc, dịch truyền)		
36. Giám sát NKBV hiện mắc trong toàn BV năm 2021		
37. Giám sát NKBV hiện mắc tại các khoa trọng điểm hoặc nhóm bệnh trọng điểm 2021 (ghi rõ tên khoa hoặc nhóm bệnh giám sát và tỷ lệ NKBV hiện mắc của từng khoa hoặc từng bệnh):		

<p>38. Giám sát NKBV hiện mắc tại các khoa trọng điểm BV từ 2016 (ghi rõ tên khoa giám sát và tỷ lệ nhiễm khuẩn từng khoa qua các năm):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		
<p>39. Giám sát NKBV mắc mới tại các khoa trọng điểm BV từ 2016 (ghi rõ tên khoa giám sát và tỷ lệ nhiễm khuẩn từng khoa qua các năm):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		
<p>40. Thực hiện giám sát NKVM và có dữ liệu về nhiễm khuẩn vết mổ (ghi rõ năm giám sát, phương pháp, và tỷ lệ nhiễm khuẩn các năm):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		
<p>41. Thực hiện giám sát viêm phổi ở người bệnh thở máy và có dữ liệu (ghi rõ năm giám sát, phương pháp, và tỷ lệ nhiễm khuẩn các năm):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		
<p>42. Thực hiện giám sát nhiễm khuẩn huyết ở người bệnh đặt ống thông mạch máu (ghi rõ năm giám sát, phương pháp, và tỷ lệ nhiễm khuẩn các năm):.....</p> <p>.....</p>		
<p>43. Có cơ sở dữ liệu về NK vết mổ, viêm phổi ở NB thở máy, nhiễm khuẩn huyết ở NB đặt ống thông mạch máu, ống thông tiểu</p>		
<p>44. Có cơ sở dữ liệu về các tai nạn nghề nghiệp</p>		
<p>45. Có giám sát vi sinh trong môi trường, tại các khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao 2021</p>		
<p>46. Có giám sát vi sinh trong môi trường, tại các khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao liên tục từ 2017</p>		
<p>47. Có giám sát vi sinh vật kháng thuốc 2021: Loại vi sinh vật kháng thuốc thường gặp:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		
<p>48. Có giám sát vi khuẩn kháng thuốc liên tục từ 2017: Loại vi khuẩn kháng thuốc thường gặp hàng năm từ 2017..... 2018..... 2019..... 2020.....</p>		
<p>49. Có cơ sở dữ liệu về các chủng vi sinh vật kháng thuốc</p>		
<p>50. Xây dựng công cụ đánh giá việc tuân thủ của NVYT về KSNK huyết, tuân thủ phòng ngừa viêm phổi BV, Tiêm an toàn, KSNK vết mổ, phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết do đặt catheter</p>		
<p>51. Thực hiện giám sát tuân thủ thực hành KSNK của NVYT về KSNK huyết, tuân thủ phòng ngừa viêm phổi BV, Tiêm an toàn, KSNK vết mổ, phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết do đặt catheter. Ghi rõ tỷ lệ tuân thủ của từng loại:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>		

52. Xây dựng được danh mục các dụng cụ tiệt khuẩn cho phẫu thuật và cách tính chi phí về dụng cụ cho các ca phẫu thuật		
53. Xây dựng danh mục trang thiết bị khử khuẩn, tiệt khuẩn phù hợp với nhu cầu phẫu thuật, thủ thuật và qui mô chuyên khoa của BV		
54. Giặt đồ vải của NB và NVYT tập trung (trong BV hoặc xã hội hóa)		
55. Có trang phục cho NB và NVYT phù hợp với quy định của BHYT		
D. Truyền thông		
56. BV xây dựng kế hoạch truyền thông về công tác KSNK tại BV		
57. BV xây dựng tài liệu truyền thông phù hợp về KSNK		
58. Thực thực hiện chương trình truyền thông, giáo dục về phòng ngừa KSNK phù hợp với điều kiện và đặc điểm địa phương, vùng, miền, chuyên môn của bệnh viện (Poster, tờ rơi, loa, đài, Website...)		
Đ. Đào tạo theo quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BYT, nghiên cứu khoa học		
59. Có đủ Chương trình tài liệu đào tạo về KSNK áp dụng cho bệnh viện theo hướng dẫn của BHYT		
60. Đào tạo phổ cập KSNK cho cán bộ viên chức, người lao động toàn BV (số người được đào tạo/tổng số):.....		
61. Đào tạo Hội đồng KSNK (số người được đào tạo/tổng số):.....		
62. Đào tạo giám sát chuyên trách (số người được đào tạo/tổng số):.....		
63. Đào tạo cho mạng lưới KSNK (số người được đào tạo/tổng số):.....		
64. Đào tạo cho bộ phận khử khuẩn tiệt khuẩn (số người được đào tạo/tổng số):.....		
65. Ban hành danh mục trang thiết bị tối thiểu bảo đảm công tác KSNK		
66. XD quy trình khử khuẩn tiệt khuẩn theo Hướng dẫn KKTK của BHYT		
67. Có triển khai xử lý dụng cụ ban đầu tại các khoa		
68. Thực hiện giao nhận dụng cụ bẩn và sạch tại các khoa		
69. Thực hiện tiệt khuẩn dụng cụ tập trung toàn bệnh viện Nếu chưa, thì tiệt khuẩn tập trung được bao nhiêu %:.....		
70. Có đề tài NCKH về KSNK được nghiệm thu 2020		
71. Có đề tài NCKH về KSNK liên tục từ 2016 (ghi tên đề tài được nghiệm thu):.....		
72. Có nghiên cứu khoa học về chi phí cho KSNK		
73. Cử CBVC tham gia chỉ đạo tuyến/Đề án 1816 về công tác KSNK		
E. Cơ sở hạ tầng, Trang thiết bị, phương tiện		
74. Có đơn vị Tiệt khuẩn tập trung đúng quy định về cơ sở hạ tầng và tổ chức hoạt động		
75. Trang bị phương tiện, dụng cụ, hóa chất VST đúng quy định		
76. Các khoa có bố trí khu vực xử lý dụng cụ riêng		
77. Có Hệ thống xử lý chất thải lỏng bảo đảm yêu cầu		
78. Mỗi khoa lâm sàng có tối thiểu 1 buồng cách ly đúng quy định		

79.	Mỗi khoa lâm sàng có 1 kho lưu giữ đồ vải.					
80.	Cơ sở chế biến thức ăn trong bệnh viện có Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm					
81.	Đồ vải của người bệnh và NVYT được giặt tập trung.					
82.	Có đủ phương tiện phòng hộ cá nhân cho cán bộ y tế					
83.	Có đủ hóa chất cho vệ sinh, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ					
84.	Cung cấp đủ chủng loại, chất lượng phương tiện vệ sinh môi trường, thu gom phân loại chất thải y tế theo qui định					
85.	Tỷ số lavabo/phòng khám đạt 1/1					
86.	Tỷ số bình xịt dung dịch sát khuẩn tay nhanh/1 bàn khám đạt 1/1					
87.	Mọi buồng bệnh đều có ít nhất một bình xịt dung dịch sát khuẩn tay nhanh có chứa cồn/lavabo đặt ở vị trí thuận lợi khi sử dụng					
88.	Tỷ lệ lavabo rửa tay/giường bệnh tại các buồng bệnh toàn bệnh viện $\geq 1/10$					
89.	Tỷ lệ lavabo rửa tay/giường bệnh tại khoa HSTC: $\geq 1/4$			
90.	Trang bị phương tiện, dụng cụ, hóa chất VST đúng quy định					
91.	Có sẵn dụng dịch VST có chứa cồn tại các điểm chăm sóc người bệnh, cụ thể: - Có sẵn dụng dịch VST tại mỗi đầu giường buồng cấp cứu, khoa HSTC, giường cách ly, bàn khám bệnh - Có sẵn dụng dịch VST tại trước cửa phòng bệnh, khu vực nhiều người tiếp xúc			
92.	Khu vực phẫu thuật, hồi sức, lọc máu, nội soi, khu cách ly, phòng cách ly đạt tiêu chuẩn về KSNK					
93.	Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động KK, TK	Số lượng	Năm sử dụng	Tình trạng hoạt động		
				Bình thường	Hay xảy ra sự cố	Không hoạt động
	Máy tiệt khuẩn hấp ướt (Autoclave)					
	Máy tiệt khuẩn sấy khô					
	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (Plasma)					
	Máy sấy làm khô dụng cụ					
	Máy rửa dụng cụ phẫu thuật (tự động/bán tự động)					
	Máy rửa dụng cụ nội soi					
	Máy rửa ống dây máy thở/gây mê					
	Máy lấy mẫu không khí					
	Máy kiểm tra vệ sinh tay					
	Máy giặt công nghiệp					
	Máy sấy đồ vải công nghiệp					
	Máy là tấm lớn					
	Máy là ép					

94. Phương pháp khử khuẩn/tiệt khuẩn dụng cụ nội soi phục vụ chẩn đoán áp dụng tại bệnh viện
 Khử khuẩn mức độ cao chiếm%.....
 Tiệt khuẩn nhiệt độ thấp%.....
 Phương pháp khác (ghi rõ phương pháp):%.....

95. Phương pháp khử khuẩn/tiệt khuẩn dụng cụ nội soi phục vụ điều trị áp dụng tại bệnh viện
 Khử khuẩn mức độ cao chiếm%.....
 Tiệt khuẩn nhiệt độ thấp%.....
 Phương pháp khác (ghi rõ phương pháp):%.....

